

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HSST
Ngày 27-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Minh Quế.

Ông Kim Văn Chiến.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Chín, Thư ký Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đình Đắc, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1981; nơi cư trú: Thôn HT, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Tuyên và bà Phùng Thị Gái (Đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1983 và 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

Bị hại: Cụ Kiều Thị Đ, sinh năm 1920, (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

2. Bà Phạm Thị Chàng, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Khu 4, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Bà Phạm Thị Sinh, sinh năm 1965.

4. Bà Phạm Thị Minh, sinh năm 1968.

Đều cư trú: Khu 2, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Chàng, bà Sinh, bà Minh: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 21/02/2018, Nguyễn Văn Q có giấy phép lái xe mô tô hạng A1, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88H7 - 1661 đi từ Trung tâm Y tế huyện TD đi về nhà ở xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi đến đoạn đường quốc lộ 2C thuộc phố M, thị trấn HH, huyện TD, đây là đoạn đường có gờ giảm tốc độ, Q điều khiển xe đi bên phải đường với tốc độ khoảng 30km/h thì phát hiện phía trước có cụ Kiều Thị Đ ở thôn QT, xã ĐT, huyện TD đang chống gậy đi từ bên trái sang bên phải đường theo chiều đi của Q. Q bóp còi xe mô tô, nhưng không giảm tốc độ mà tiếp tục điều khiển xe đi về phía trước. Khi cụ Đ đi sang phần đường bên phải theo chiều đi của Q, do đã uống rượu, không làm chủ tốc độ, xe mô tô do Q điều khiển đã đâm vào chiếc gậy của cụ Đ làm cụ Đ bị ngã xuống đường, xe mô tô và Q bị đổ ngã ra đường. Hậu quả, cụ Đ bị thương phải đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc. Đến ngày 22/02/2018, cụ Đ tử vong.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 88H7 - 1661; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H7 - 1661 mang tên Nguyễn Xuân Thu; 01 giấy pháp lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Q và 01 chiếc gậy gỗ. Xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88H7 - 1661 là tài sản của Nguyễn Văn Q mua lại của ông Nguyễn Xuân Thu, chủ ruột Q ở thôn HT, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; chiếc gậy gỗ là tài sản của cụ Kiều Thị Đ. Ngày 16/5/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Q chiếc xe mô tô, đăng ký xe mô tô và trả lại chiếc gậy gỗ cho gia đình cụ Đ.

Tại kết quả kiểm tra nồng độ cồn ngày 21/02/2018 xác định nồng độ cồn của Nguyễn Văn Q là 0,287mg/l.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 44/TT ngày 22/02/2018, Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Nguyên nhân tử vong của cụ Kiều Thị Đ là chấn thương sọ não nặng không hồi phục.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn Q đã tự nguyện bồi thường theo thỏa thuận cho gia đình bị hại 35.000.000đ (Gồm tiền viện phí, mai táng phí). Sau khi nhận tiền, đại diện gia đình bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKSTD ngày 04/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội: “Vi phạm quy định về tham

gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Nguyễn Văn Q 03 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý phương tiện tạm giữ, đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Xác nhận Nguyễn Văn Q đã tự nguyện bồi thường theo thỏa thuận cho gia đình bị hại 35.000.000đ là hợp pháp.

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 xe mô tô biển kiểm soát 88H7 – 1661, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H7 - 1661 và trả lại 01 chiếc gậy gỗ cho gia đình cụ Kiều Thị Đ là hợp pháp.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 giấy phép lái xe số AG548777 mang tên Nguyễn Văn Q.

Bị cáo Nguyễn Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản khám nghiệm xe và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 21/02/2018, Nguyễn Văn Q có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88H7 – 1661 đi theo đường quốc lộ 2C hướng Vĩnh Yên đi Lập Thạch. Khi đến đoạn đường

có gờ giảm tốc độ thuộc phố M, thị trấn HH, huyện TD, Q điều khiển xe đi bên phải với tốc độ khoảng 30km/h phát hiện thấy cụ Kiều Thị Đ đang chống gậy đi sang đường từ bên trái qua bên phải theo chiều đi của Q. Q bóp còi xe mô tô nhưng không giảm tốc độ mà tiếp tục điều khiển xe đi về phía trước. Do khoảng cách gần, đã sử dụng rượu có nồng độ cồn vượt quá mức cho phép (Nồng độ cồn là 0,287mg/l), Q không xử lý được tình huống nên khi cụ Kiều Thị Đ đi sang phần đường bên phải theo chiều đi của Q, xe mô tô do Q điều khiển đã đâm vào chiếc gậy của cụ Đ làm cụ Đ ngã ra đường. Hậu quả, cụ Đ tử vong.

Hành vi điều khiển xe mô tô có nồng độ cồn là 0,287mg/l vượt quá mức cho phép, đi không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, dẫn đến tai nạn giao thông, hậu quả làm cụ Kiều Thị Đ tử vong của Nguyễn Văn Q đã vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ; Điều 4, khoản 1 Điều 5 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 8 quy định: Các hành vi bị nghiêm cấm

“8. Điều khiển xe mô tô ... mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 0,25miligam/lít khí thở”.

Điều 9 quy định: “1. Người tham gia giao thông...phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Điều 12 quy định: Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe

“1. Người lái xe ... phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường ...”

Điều 4 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 quy định: Nguyên tắc chung khi điều khiển phương tiện giao thông đường bộ về tốc độ và khoảng cách

“3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải điều khiển xe chạy với tốc độ phù hợp với điều kiện của ... đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố khác để đảm bảo an toàn giao thông”.

Điều 5 Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 quy định: Các trường hợp phải giảm tốc độ

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (Có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

1. ... Có chướng ngại vật trên đường”.

Điều 260 Bộ luật hình sự quy định:

“1. ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) ...

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu ... mà trong ... hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định...”.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của người khác, bị cáo được trang bị các kiến thức cơ bản về Luật Giao thông đường bộ, có Giấy phép lái xe, nhưng thiếu ý thức trong việc chấp hành pháp luật, điều khiển phương tiện tham gia giao thông sử dụng nồng độ cồn vượt quá quy định, coi thường pháp luật nên dẫn đến hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại 35.000.000đ, tại phiên tòa đại diện gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, trong vụ án này bị hại là cụ Kiều Thị Đ cũng có lỗi một phần khi sang đường không chú ý quan sát đã vi phạm khoản 3 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục, cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần áp dụng khoản 6 Điều 260 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường theo thỏa thuận cho gia đình bị hại 35.000.000đ là hợp pháp. Nay đại diện gia đình bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý phương tiện tạm giữ: Việc Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho Nguyễn Văn Q 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88H7-1661, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88H7-1661 và trả lại cho gia đình cụ Kiều Thị Đ 01 chiếc gậy gõ đều là hợp pháp.

Đối với 01 giấy phép lái xe số AG548777 mang tên Nguyễn Văn Q là giấy tờ của bị cáo, trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật; đề nghị của bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Văn Q 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 giấy phép lái xe số AG548777 mang tên Nguyễn Văn Q.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí tòa án, bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Công an huyện TD;
- UBND xã ĐT, huyện TD;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Tiến Dũng

